

Bản án số: 157/2026/HS-PT
Ngày 04-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Chung;

Ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Dũng – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Thủy- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/9/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 273/TLPT-HS ngày 15/7/2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 92/2026/HSST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị cáo có kháng cáo:** Nguyễn Thị N, sinh ngày 25/5/1972 tại xã TL, tỉnh Bắc Ninh. Tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú: Thôn ĐC, xã TL, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Thôn Dâu, xã TL, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Đồng Thị Đ, sinh năm 1931; chồng: Lê Khắc K, sinh năm 1971 (đã ly hôn); con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 19/01/2026.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Ngoài ra vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút sáng ngày 12/01/2026, N đang ở phòng trà thì Vũ Xuân Th, sinh năm 1970, trú tại thôn ĐB, xã K, tỉnh Bắc Ninh là khách quen hay đến phòng trà gọi điện bảo Th đi cùng với Nguyễn Văn Y, sinh năm 1970, trú tại thôn Lèo, xã Kép, tỉnh Bắc Ninh và Đặng Quang Th, sinh năm 1959, trú tại thôn Chùa, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh đến phòng trà để hát và bảo N sắp xếp (gọi) cho 02 nhân viên nữ đến hát và uống nước cùng. N đồng ý gọi điện thoại cho T và nhắn tin qua tài khoản Zalo cho L bảo đến phòng trà uống nước và hát cùng khách hát thì T và L đồng ý. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Vũ Xuân Th, Y và Đặng Quang Th đến phòng trà hát và uống nước. Lúc này, N đứng ở quầy thu ngân thì Đặng Quang Th đi ra bảo N xếp cho hai bạn nữ đi nhà nghỉ với Đặng Quang Th và Y (N hiểu ý Đặng Quang Th là bảo đi nhà nghỉ để mua bán dâm) nên đồng ý. Đồng thời hai bên thỏa thuận giá mua bán dâm là 500.000 đồng/01 người, địa điểm tại nhà nghỉ Sông Thương của ông Đỗ Văn Hòa, sinh năm 1978, tại địa chỉ: thôn Bến Phà, xã TL, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi thỏa thuận xong, Quang Th quay vào phòng trà uống nước với mọi người. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô biển kiểm soát 98N8-3441, L đi xe mô tô biển kiểm soát 98H1-315.44 đến quán thì N đứng ở quầy thu ngân bảo với T và L đến nhà nghỉ Sông Thương bán dâm cho Y và Đặng Quang Th với giá 300.000 đồng/người, tiền phòng tự trả thì T, L đồng ý. Sau đó, cả hai đến ngồi uống nước cùng Vũ Xuân Th, Y và Đặng Quang Th. Lúc này, Đặng Quang Th đi ra quầy thu ngân đưa cho N số tiền 1.000.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền mua dâm như đã thỏa thuận. N cất số tiền vào túi quần rồi bảo “Các anh đi đi” ý bảo đi Đặng Quang Thuỷ và Y đi mua dâm với Tham và L. Sau đó, N lấy số tiền 600.000 đồng đưa cho L và bảo L đưa cho T 300.000 đồng, L cầm tiền đi ra cửa phòng trà đưa cho T số tiền 300.000 đồng. Vũ Xuân Th ở lại quán uống nước và nói chuyện với N. Sau đó, Đặng Quang Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B1-915.25 chở Y còn T và L mỗi người đi một xe mô tô đến nhà nghỉ Sông Thương thuê phòng để mua bán dâm. Khi đến nơi, Quang Th, Y, T, L được bà Đỗ Thị Nhị, sinh năm 1982 (vợ của Hòa) cho thuê 02 phòng, trong đó Đặng Quang Th và T thuê phòng số 301, Y và L thuê phòng số 302 để quan hệ tình dục (mua bán dâm). Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, khi Đặng Quang Th và T; Y và L đang quan hệ tình dục, mua bán dâm thì

bị Tổ công tác của Công an xã TL, tỉnh Bắc Ninh kiểm tra hành chính phát hiện lập biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ, tài sản vật chứng có liên quan, gồm:

Thu giữ tại phòng số 301: 01 chiếc túi xách giả da màu đen, 01 chiếc ví giả da màu đen; số tiền 300.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng); số tiền 1.450.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động POCO C75 màu đen, ốp lưng màu xanh, lắp sim số 0868108590; 01 đăng ký xe mô tô biển số 98N8-3441 của T và 04 chiếc bao cao su chưa sử dụng.

Thu trên đầu giường bên trái bên trong phòng số 302: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Renno8 T5G màu bạc, ốp lưng màu hồng, lắp sim số 0981964788; 01 chiếc túi xách giả da màu đen; số tiền 4.701.000 đồng của L và 01 chiếc bao cao su chưa sử dụng.

Thu giữ tại nhà để xe của nhà nghỉ Sông Thương: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển kiểm soát 98H1-31544; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT màu xanh, biển kiểm soát 98N8-3441; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu đỏ đen, gắn biển kiểm soát 98B1-91522.

Ngày 12/01/2026, Công an xã TL, tỉnh Bắc Ninh triệu tập Nguyễn Thị N làm việc thì N đầu thú về hành môi giới mại dâm và tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng cam, lắp sim điện thoại số 0376886763 số tiền 1.000.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Ngày 12/01/2026, sau khi lập biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú, Công an xã TL đã bàn giao Nguyễn Thị N cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh để điều tra theo thẩm quyền. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị N tại thôn Dâu, xã TL, tỉnh Bắc Ninh nhưng thu giữ các đồ vật, tài sản nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 13/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh tiến hành cho Nguyễn Thị N chỉ dẫn địa điểm, xác định vị trí thỏa thuận việc mua bán dâm và giao nhận tiền mua bán dâm với Đặng Quang Th, kết quả: N chỉ dẫn địa điểm, xác định vị trí thỏa thuận việc mua bán dâm và nhận tiền mua bán dâm với phù hợp với lời khai của N, Đặng Quang Th và Xuân Th.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-KV4 ngày 04 tháng 5 năm 2026 Viện kiểm sát nhân khu vực 4 - Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2026/HS-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 04 (bốn) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 19/01/2026.

Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng trong đó có 400.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị N, 300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T và 300.000 đồng thu giữ của NguY Thị L.

+ Tịch thu tiêu hủy 05 bao cao su chưa sử dụng (trong đó 02 bao cao su có chữ “TOMIHU MEN”, 01 bao cao su có chữ “VIP”, 01 bao cao su có chữ “X-time”, 01 bao cao su có chữ “ULTRATHIN”).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ ngoài màu trắng cam, số IMEI 1: 867650079369454; số IMEI 2: 867650079369447, có lắp sim điện thoại số 0376886763 được niêm phong trong một phong bì thư của Công an xã TL, tỉnh Bắc Ninh, bên ngoài bì thư ghi “Điện thoại di động của Nguyễn Thị N” và 600.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/6/2026, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị N trình bày:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã nêu, đúng người, đúng tội, không oan tuy nhiên việc xử phạt tù giam đối với bị cáo là nặng nên bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo N không xin giảm hình phạt cho bị cáo. Lý do xin hưởng án treo vì bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, bị cáo xuất trình 01 đơn đề nghị xác nhận về việc đóng góp các loại quỹ, các khoản ủng hộ và trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ già, có xác nhận của trưởng thôn Nghĩa Hoà về việc bị cáo N sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 04 (bốn) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 19/01/2026.

Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí HSPT: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị N nói lời nói sau cùng: Bị cáo mong HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Về tội danh xét xử đối với bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 12/01/2026, tại quán Hương N, địa chỉ thôn Dâu, xã TL, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Thị N có hành vi nhận số tiền 1.000.000 đồng của Đặng Quang Th để làm trung gian, môi giới cho Đặng Quang Th và

Nguyễn Văn Y mua, bám dâm với Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L với giá 300.000 đồng/người tại phòng số 301, 302 nhà nghỉ Sông Thương do ông Đỗ Văn Hòa, sinh năm 1978, tại địa chỉ: thôn Bến Phà, xã TL, tỉnh Bắc Ninh làm chủ, thu lợi bất chính số tiền 400.000 đồng thì bị Công an xã TL, tỉnh Bắc Ninh kiểm tra phát hiện.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2026/HS-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N kháng cáo xin được hưởng án treo. Do đó, các vấn đề khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị N có nhân thân tốt.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Pha tham gia dân công hỏa tuyến và được tặng huân chương kháng chiến, có mẹ đẻ là bà Đồng Thị Được tham gia dân công hỏa tuyến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 04 (Bốn) năm tù về tội “Môi giới mại dâm” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N xuất trình 01 đơn đề nghị xác nhận về việc đóng góp các loại quỹ, các khoản ủng hộ và trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ già. Tuy nhiên, trưởng thôn Nghĩa Hoà, xã TL chỉ xác nhận về việc

bà N sinh sống tại địa phương, không xác nhận việc bị cáo N đóng quỹ hay các khoản ủng hộ. Mặt khác, bị cáo N đã được giải thích nhưng bị cáo không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà chỉ xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 04 tù nên bị cáo thuộc trường hợp không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 92/2026/HS-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 04 (bốn) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/01/2026 đến ngày 19/01/2026.

Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thụ án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ-Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- VKS, TA khu vực 4- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng